

# Tổng hợp ngữ pháp tiếng anh 8



Để giúp các bạn học sinh dễ dàng tổng hợp kiến thức tiếng Anh và đạt kết quả cao trong học tập. Vì thế, chúng tôi sẽ tổng hợp kiến thức **ngữ pháp tiếng Anh lớp 8** để hỗ trợ các bạn học sinh trong học tập. Hy vọng bài viết này thực sự hữu ích đối với các bạn.

**I. TOO / ENOUGH :** Quá ... không thể ...

\*S + Be + TOO + ADJ + ( for + O ) + To + V .

\* S+ V + TOO +ADV + ( for+ O ) + To + V .

\*S+ Be +( NOT ) + ENOUGH + ADJ+ ( for + O ) + To + V . Đủ ... để

\*S+ V + ( NOT ) + ENOUGH+ ADV + ( for + O ) + To +V.

**II. So .....That : Such .....That :** Quá .....đến nỗi mà .....

\*SO + ADJ / ADV + That + Clause .

\*SUCH + ( a , an ) + ADJ + N + That Clause .

### **III. REFLECTIVE PRONOUNS : Đại từ phản thân**

I -> Myself

We -> Ourselves

You -> Yourself / yourselves

They -> Themselves

She -> Herself

He -> Himself

It -> Itself

### **IV . MODAL VERBS : Động từếm khuyết**

S + MODAL VERBS ( not ) + Vinf without “To ”

Can

Could

Should

May

Might

Must

Ought to : nên

Had better: nên

Would

### **V. USED TO / BE USED TO**

**1.S + USED TO + V : Đã từng làm gì trong quá khứ**

**2. S + BE USED TO + VING / N : Quen ( trở nên quen ) làm gì đó**

### **VI . DEMANDs : CÂU RA LỆNH**

\* V + ( Please ) .

\* DON'T + V + ( Please )

## **VII . REPORTED SPEECH : Câu tường thuật**

### 1. Polite requests

– “ CAN / COULD / WOULD / WILL + YOU + ( Please ) + Vinf .....? ”

– “ V + Please ”.

– “ DON'T + V + Please ”

->Reported speech :

S + ASKED + O + ( not ) + to + V.

TOLD

REQUESTED

### 2. Advice :Lời khuyên

“ S + should / ought to / had better ( not ) .....”

->**REPORTED SPEECH**

– S + Advised + O + ( not ) to V.

– S + Said ( to O ) That S ( o ) should / ought to / had better....

## **VII. So as / In order for purpose :Chỉ mục đích**

So as ( not ) to V = In order ( not ) to V : Để ( không )

## **VIII . GERUNDS . Danh động từ**

S + V + GERUND(Ving).

Love

Like ( Dislike )

Enjoy

Hate

Prefer

Start( Begin)

Stop / Finish

Practice

Remember : nhớ đã làm gì trong q khứ

Try : thử # Try + to V : cố gắng

Mind : phiền lòng

## IX . Passive voice: Câu bị động

- Present simple

Active	Passive
+ S + Vs ,es + O	Wh+S(o)+is/am/are( not)+VpII
S + Vzero + O	
- S + do / does not + Vinf + O .	
? Wh + do /does + S + Vinf + O	

- Present Continuous

Wh + S + is (not )+ Ving + O-> Wh + S(o) + is + being + VpII

am

are

- Present perfect

Wh + S + have + VpII -> Wh + S(o) + have + been VpII

has

- **Past Simple**

Active	Passive
+ S + VED + O .	Wh +S(O) + was (not)+ VpII
– S + didn’t + V inf + O .	were
? ( Wh) + Did + S + Vinf + O ?	

- **Near future.**

Wh + S + is + going +to V + O	Wh + S(o) is + going +tobe+VpII
am	am
are	are

- **Modal Verbs Động từ khiếm khuyết**

S + MODAL VERBS ( not ) +be + VP II

Can

Could

Should

May

Might

Must

Ought to : nên

Had better: nên

Would

Will

Shall

## **X . Present Perfect.** Thì hiện tại hoàn thành

1. Use: + to express an unfinished action ( một hành động dang dở )

+to express an experience. ( một kinh nghiệm )

+ to express an action which has just happened in the past but the time is not important.

\* Dấu hiệu nhận biết: since, for, not....yet, ....yet? , lately = recently( gần đây ) , so far = since then = up to now ( từ đó đến nay ) , just( vừa mới ) , already( rồi ) , never , ever , it is the first ( second ... ) time

## **XI . Do / Would you mind.....?**

+ Do you mind + Ving .....? -> a polite request.

Would you mind + Ving ....?

+ Do you mind if I + Vzero .....? -> a polite permission

Would you mind if + I + Ved .....?

= May / Can I + Vinf .....?

## **XII. Present participle/past participle**

### 1. Present participle ( Ving )

It is used as an Adj to modify a N ( active )

Ex . The tiger killing the hunter is very big

### 2. Past participle ( VpII )

It is used as an Adj to modify a N ( passive )

Ex. The tiger killed by the hunter is very big .

## **XIII. Present Conti...with always** Hiện tại tiếp diễn với always

- It is used to express a complaint .

Ex . He is always talking in the class !

You are always making noisy when I sleep well!

#### **XIV. How to pronounce the ending “ed” and “s” & “es” Phát âm –ed và -s**

##### 1. “ed”

- / id / : Tận cùng là các âm : / t / & / d /
- / t / : Tận cùng là các âm : / s / , / f / , / p / , / k / , / tS / , / S /

Ex : laughed , washed , watched , danced

- / d / : Trường hợp còn lại .

Ex : raised , used , studied .....

##### 2. “s” & “es ”

– / iz / : Tận cùng là các âm : / s / ; /S/ ; / z / ; / tS / ; / dz/

Ex : buses ; houses ; places ; couches ; oranges ; boxes.....

- / s / : Tận cùng là các âm : / p / ; / k / / t / ; / f /
- / z / : Trường hợp còn lại.

#### **XV : Reported speech . Câu tường thuật**

1 . Direct : Present simple -> Indirect : Past simple

+ S + Ves, s / Vzero. -> S said S + Ved .....

– S + don't / doesn't + Vinf.-> S said/ told (to O that) S didn't Vinf

Do / Does + S + Vinf ...? -> S asked + O if / whether S +Ved.....

Wh + do/does + S + Vinf ..? -> S asked + O Wh + S + Ved .....

2 . Direct : Past simple -> Indirect : Past simple

+ S + Ved . -> S said S + Ved .....

- S + didn't + Vinf.-> S said/ told (to O that) S didn't Vinf

Did + S + Vinf ...? -> S asked + O if / whether S +Ved.

Wh + did + S + Vinf ..? -> S asked + O Wh + S + Ved .

3. Present Continuous.... -> Past Continuous

**S + is (not )+ Ving + O -> S said S + was ( not )+ Ving .**

am

were

are

is / am / are + S + Ving ? -> S asked +O if /whether S + was/were + Ving .

Wh + is / am/are +S + Ving ? -> S + asked O Wh + S + was / were + Ving.

4. Present perfect -> Past Perfect

**S + have (not ) + VpII . -> S said + S+ had+ VpII.**

**has**

Have / has + S + VpII ? -> S asked O if/ whether S + had + VpII.

Wh + have / has + S + VpII ? S asked Wh + S + had + VpII .

5. Will / Shall -> Would

6. Can -> Could

7. Must -> Had to8. Is / am / are going to -> was / were going to

9.May -> Might